

Số: 32/2014/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

b) Cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh (Sở Nội vụ);

c) Các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung, chương trình, đề án cải cách hành chính nhà nước theo quy định tại Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ.

2. Mức chi

a) Mức chi cụ thể bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Các khoản chi khác phục vụ cho công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh không quy định mức chi trong Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2014, tại kỳ họp thứ 14./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Các Bộ Nội vụ, Tài chính, Tư Pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Trần Ngọc Căng**

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI BẢO ĐẢM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Chi xây dựng đề cương chương trình, các cuộc họp ý, tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề			
1.	Xây dựng đề cương chương trình			
a)	Xây dựng đề cương chi tiết Chương trình	Đề cương		
	- Cấp tỉnh		1.200	
	- Cấp huyện		900	
	- Cấp xã		600	
b)	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương của Chương trình	Chương trình, đề án		
	- Cấp tỉnh		2.000	
	- Cấp huyện		1.500	
	- Cấp xã		1.000	
2.	Chi các cuộc họp góp ý tổ chức thẩm định kế hoạch, báo cáo, đề cương, chuyên đề			
a)	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi		
	- Cấp tỉnh		150	
	- Cấp huyện		120	
	- Cấp xã		90	

b)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi		
	- Cấp tỉnh		100	
	- Cấp huyện		80	
	- Cấp xã		60	
c)	Bài tham luận	Bài viết		
	- Cấp tỉnh		300	
	- Cấp huyện		240	
	- Cấp xã		180	
d)	Bài nhận xét góp ý chỉnh sửa	Bài viết		
	- Cấp tỉnh		200	
	- Cấp huyện		160	
	- Cấp xã		120	
II	Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về cải cách hành chính			
1.	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác			Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo
a)	Chi biên soạn đề thi, đáp án			
	- Thi trắc nghiệm			
	+ Cấp tỉnh	Người/ngày	300	
	+ Cấp huyện		220	
	+ Cấp xã		150	
	- Thi tự luận			
	+ Cấp tỉnh	Người/ngày	500	
	+ Cấp huyện		370	
	+ Cấp xã		250	

b)	Chi phụ cấp cho Ban tổ chức cuộc thi			
	- Cấp tỉnh			
	+ Trưởng ban	Người/ngày	280	
	+ Phó trưởng ban		230	
	+ Thành viên, thư ký		160	
	- Cấp huyện			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	210	
	+ Phó Chủ tịch		170	
	+ Thành viên, thư ký		120	
	- Cấp xã			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	140	
	+ Phó Chủ tịch		110	
	+ Thành viên, thư ký		80	
c)	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề thi			
	- Cấp tỉnh			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	350	
	+ Phó Chủ tịch		280	
	+ Thành viên, thư ký		230	
	- Cấp huyện			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	260	
	+ Phó Chủ tịch		210	
	+ Thành viên, thư ký		170	
	- Cấp xã			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	170	
	+ Phó Chủ tịch		140	
	+ Thành viên, thư ký		110	
d)	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng chấm thi; Ban giám khảo; Hội đồng phúc khảo, thẩm định			
	- Cấp tỉnh			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300	
	+ Phó Chủ tịch		250	
	+ Thành viên, thư ký		210	

	- Cấp huyện			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	220	
	+ Phó Chủ tịch		180	
	+ Thành viên, thư ký		150	
	- Cấp xã			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch		120	
	+ Thành viên, thư ký		100	
e)	Phúc khảo, thẩm định bài thi			
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo			
	+ Cấp tỉnh	Người/ngày	160	
	+ Cấp huyện		120	
	+ Cấp xã		80	
	- Chi cho cán bộ chấm thẩm định			
	+ Cấp tỉnh	Người/ngày	160	
	+ Cấp huyện		120	
	+ Cấp xã		80	
2.	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
a)	Thuê dẫn chương trình			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	2.000	
	- Cấp huyện		1.500	
	- Cấp xã		1.000	
b)	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu			
	- Cấp tỉnh	Ngày	10.000	
	- Cấp huyện		7.500	
	- Cấp xã		5.000	
c)	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	
d)	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)			Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày

3.	Chi giải thưởng			
a)	Cuộc thi quy mô cấp tỉnh			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		10.000	
	+ Cá nhân		6.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		2.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.000	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải phụ khác		500	
b)	Cuộc thi quy mô cấp huyện			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.500	
	+ Cá nhân		4.500	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.250	
	+ Cá nhân		2.250	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.750	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.250	
	+ Cá nhân		750	
	- Giải phụ khác		370	
c)	Cuộc thi quy mô cấp xã			
	- Giải nhất	Giải thưởng		

	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.500	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.500	
	+ Cá nhân		500	
	- Giải phụ khác		250	
III.	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (một cửa, một cửa liên thông)			Áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh
Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản đó.				